

KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIÊM NHA CHU Ở CÔNG NHÂN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ALMUS VINA, TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2024 - 2025

SV. Hà Anh Tuấn, SV. Nguyễn Kế Cường

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: haanhtuan0282dental@gmail.com

Ngày nhận: 10/6/2025

Ngày nhận bản sửa: 15/6/2025

Ngày duyệt đăng: 24/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71192/880431ptxqan>

Tóm tắt

Viêm nha chu là một bệnh lý viêm mạn tính phổ biến, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chức năng ăn nhai và chất lượng cuộc sống, đặc biệt trong nhóm người lao động phổ thông - những đối tượng ít được tiếp cận dịch vụ nha khoa và có kiến thức chăm sóc sức khỏe hạn chế. Nghiên cứu được thực hiện trên 245 công nhân tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn (TNHH) Almus Vina (Phú Thọ) cho thấy: tỷ lệ mắc viêm nha chu rất cao (42,1%), trong đó, có 23,3% ở mức độ trung bình (CPI = 3) và 18,8% ở mức độ nặng (CPI = 4) chỉ có 19,2 % là không bị bệnh. Các triệu chứng thường gặp gồm hôi miệng kéo dài và chảy máu nướu khi đánh răng. Nhiều yếu tố như tần suất đánh răng, không dùng chỉ nha khoa, căng thẳng công việc và tiếp xúc hóa chất có liên quan chặt chẽ đến tình trạng bệnh. Kết quả này cảnh báo nhu cầu cấp thiết trong việc tăng cường chăm sóc sức khỏe răng miệng cho lực lượng công nhân - nhóm lao động chủ lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Từ khóa: Viêm nha chu, công nhân, bệnh răng.

Survey on Periodontitis Status Among Workers at Almus Vina Co., Ltd., Phu Tho Province in 2024-2025

Ha Anh Tuan, Nguyen Ke Cuong

Hoa Binh University

Corresponding Author: haanhtuan0282dental@gmail.com

Abstract

Periodontitis is a common chronic inflammatory disease that significantly affects masticatory function and quality of life, particularly among manual laborers-individuals with limited access to dental services and insufficient oral health knowledge. This study was conducted on 245 workers at Almus Vina Co., Ltd. (Phu Tho), revealing a high prevalence of periodontitis (42.1%), including 23.3% at a moderate level (CPI = 3) and 18.8% at a severe level (CPI = 4) only 19.2 % is not periodontitis. Common symptoms included persistent halitosis and gingival bleeding during tooth brushing. Several factors such as tooth brushing frequency, lack of dental floss use, occupational stress, and exposure to chemicals were closely associated with the disease. These findings underscore the urgent need to strengthen oral health care for the core labor force, thereby contributing to sustainable socio-economic development.

Keywords: Periodontitis, workers, dental disease.

1. Đặt vấn đề

Bệnh viêm nha chu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chức năng ăn nhai, phát âm, thẩm mỹ, và đặc biệt làm giảm chất lượng cuộc sống của người bệnh [1]. Tỷ lệ mắc viêm nha chu trong cộng đồng nói chung khá cao và có xu hướng gia tăng theo tuổi tác [2]. Tại Việt Nam, tỷ lệ này dao động từ 60-70%, đặc biệt phổ biến ở nhóm người cao tuổi và những người có thói quen vệ sinh răng miệng không đúng cách [2]. Tỷ lệ mắc viêm nha chu trong cộng đồng nói chung khá cao và có xu hướng

gia tăng theo tuổi tác, ảnh hưởng đến 20-50% dân số toàn cầu. Theo một tổng quan các nghiên cứu từ năm 2011-2020, tỷ lệ mắc viêm nha chu được tổng hợp đạt mức 61,6%, trong đó, viêm nha chu nặng ảnh hưởng đến 23,6% dân số [3].

Trong số các nhóm nguy cơ cao có công nhân, đặc biệt là công nhân lao động trực tiếp trong các khu công nghiệp. Họ thường làm việc trong môi trường căng thẳng, tiếp xúc hóa chất, có thu nhập hạn chế và thiếu thời gian để chăm sóc sức khỏe cá nhân, trong đó, có sức khỏe răng miệng

[4-5]. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm mô tả thực trạng bệnh lý nha chu viêm và phân tích các yếu tố liên quan đến tình trạng viêm nha chu của công nhân Công Ty TNHH Almus Vina là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp công ty đề xuất giải pháp cải thiện sức khỏe răng miệng cho công nhân, mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu suất lao động, đồng thời, tạo nền tảng cho việc xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh hơn tại công ty.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

245 công nhân hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Almus Vina (18-55 tuổi) không phân biệt giới tính, bộ phận làm việc hay thời gian công tác.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang và phân tích

Mô tả: Phân bố tỷ lệ bệnh theo độ tuổi, giới tính, thâm niên làm việc, hút thuốc lá, khám răng định kỳ, tiếp xúc hóa chất, mắc bệnh đái tháo đường, tim mạch, tăng huyết áp, căng thẳng trong công việc, tình trạng vệ sinh răng miệng. Tính tỷ lệ mắc bệnh viêm nha chu theo mức độ đánh giá thang điểm CPI (0, 1,2,3,4).

Phân tích: Mối liên hệ giữa các yếu tố nguy cơ và tình trạng bệnh như tình trạng vệ sinh răng miệng, áp lực công việc hay không, khám răng định kỳ hay không...

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khám lâm sàng và ghi nhận các chỉ số răng miệng

Chỉ số mảng bám (PI) của Loe và Silness; Chỉ số % Bleeding on Probing (%BOP) - tỷ lệ phần trăm vị trí chảy máu

nướu khi thăm dò [6].

3.2. Khảo sát và phỏng vấn về các yếu tố liên quan

Công nhân tham gia sẽ điền vào phiếu khảo sát và được phỏng vấn trực tiếp để thu thập thông tin về các yếu tố cá nhân và môi trường làm việc bao gồm: Tuổi, giới tính, bộ phận làm việc, và thâm niên công tác; Tần suất đánh răng, sử dụng chỉ nha khoa, nước súc miệng; Tần suất thăm khám nha khoa định kỳ; Môi trường và điều kiện làm việc (tiếp xúc với hóa chất, bụi, hoặc nhiệt độ cao); Tình trạng căng thẳng hoặc áp lực công việc; Yếu tố lối sống (sử dụng thuốc lá, rượu bia, hoặc chất kích thích).

3.3. Đánh giá kết quả

Chỉ số CPI được sử dụng để đánh giá mức độ tổn thương nha chu thông qua kiểm tra cao răng, túi nha chu, và tình trạng chảy máu nướu. Sử dụng dụng cụ thăm dò nha chu có đầu tròn (dạng bóng). Chấm điểm từ 0-4 cho mỗi vùng (6 vùng).

Dữ liệu thu thập được nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để quản lý và phân tích. Giá trị p-value < 0,05 được sử dụng để đánh giá sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm. Phép kiểm Chi-squared (χ^2) cho thấy mối liên hệ giữa các biến.

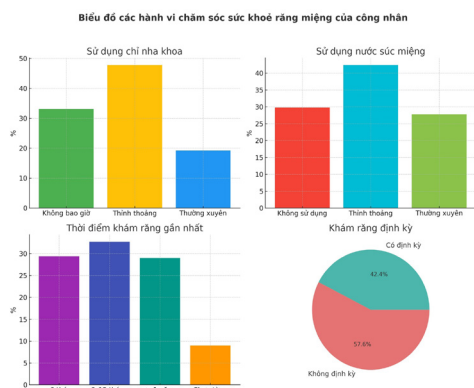
4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mô tả thực trạng bệnh viêm nha chu ở công nhân Công ty TNHH Almus Vina

Trong 245 công nhân được khảo sát: Công nhân thuộc nhóm tuổi từ 18-30, chiếm 58,4% (143 người). Nhóm tuổi từ 31-40 chiếm 40,0% (98 người), trong khi nhóm từ 41-50 chỉ chiếm 1,6% (4 người).

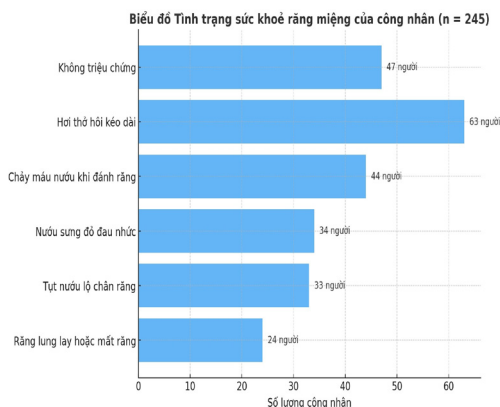
Về hành vi chăm sóc sức khỏe răng miệng và các triệu chứng về sức khỏe răng miệng của công nhân thể hiện ở 2 biểu đồ sau:

Biểu đồ 3.1. Hành vi chăm sóc sức khỏe răng miệng của công nhân (n=245)



Về các chỉ số CPI trong nghiên cứu được phân bố như sau: mức 3 chiếm tỷ lệ cao nhất với 23,3% (57 người), tiếp theo là

Biểu đồ 3.2. Các triệu chứng về sức khỏe răng miệng của công nhân (n=245)



Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

mức 0 với 22,9% (56 người), mức 4 là 18,8% (46 người), mức 2 là 18,0% (44 người), và mức 1 là 17,1%.

4.2. Phân tích các yếu tố liên quan đến viêm nha chu ở công nhân Công ty TNHH Almus Vina

4.2.1. Tỷ lệ viêm nha chu theo tần suất đánh răng

Tỷ lệ viêm nha chu cao nhất ở nhóm không thường xuyên đánh răng với 100% (26 người), tiếp theo là nhóm đánh răng 1 lần/ngày 96,55% (28 người), nhóm đánh răng 2 lần/ngày 84,6% (66 người), và thấp nhất ở nhóm đánh răng trên 2 lần/ngày với 69,64% (78 người). Với $\chi^2 = 20,1414$; $df = 3$; $\alpha = 0,05$ cho thấy tỷ lệ viêm nha chu có liên quan tới tần suất đánh răng ($P < 0,05$).

4.2.2. Tỷ lệ viêm nha chu theo sử dụng chỉ nha khoa

Tỷ lệ viêm nha chu cao nhất ở nhóm không bao giờ sử dụng chỉ nha khoa là 93,17% (109 người), tiếp theo là nhóm thi thoảng sử dụng 91,36% (74 người), và thấp nhất ở nhóm sử dụng thường xuyên với 31,9% (15 người). Ngược lại, tỷ lệ không viêm nha chu cao nhất thuộc nhóm sử dụng thường xuyên (68,1%). Với $\chi^2 = 89,232$; $df = 2$; $\alpha = 0,05$ cho thấy tỷ lệ viêm nha chu có liên quan chặt chẽ tới việc sử dụng chỉ nha khoa là có ý nghĩa thống kê.

4.2.3. Tỷ lệ viêm nha chu theo sử dụng nước súc miệng

Tỷ lệ viêm nha chu cao nhất ở nhóm không bao giờ sử dụng nước súc miệng là 83,65% (87 người), tiếp theo là nhóm thỉnh thoảng sử dụng với 83,6% (61 người) và nhóm thường xuyên sử dụng là 73,5% (50 người). Trong khi đó, tỷ lệ không viêm nha chu dao động từ 16,35% đến 26,5%, cao nhất ở nhóm thường xuyên sử dụng. Tỷ lệ viêm nha chu có liên quan tới việc sử dụng nước súc miệng (theo kiểm định với $\chi^2 = 115,11$; $df = 2$; $\alpha = 0,05$). Sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

4.2.4. Tỷ lệ viêm nha chu theo khám răng định kỳ

Tỷ lệ viêm nha chu ở nhóm không khám răng định kỳ là 88,65%, cao hơn so với nhóm có khám định kỳ là 70,2%. Ngược lại, tỷ lệ không viêm nha chu cao hơn ở nhóm có khám răng định kỳ (29,8%) so với nhóm không khám (11,35%). Giá trị $P < 0,05$ cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ viêm nha chu có liên quan với khám răng định kỳ của công nhân (Với $\chi^2 = 25,696$; $df = 1$; $\alpha = 0,05$).

4.2.5. Tỷ lệ viêm nha chu theo tiếp xúc hóa chất

Tỷ lệ viêm nha chu ở nhóm công nhân có tiếp xúc hóa chất là 86,4%, cao hơn so với nhóm không tiếp xúc là 75%. Ngược lại, tỷ lệ không viêm nha chu ở nhóm không tiếp

xúc hóa chất cao hơn (25%) so với nhóm có tiếp xúc (13,6%). Kiểm định cho thấy với $\chi^2 = 5,1493$; $df = 1$; $\alpha = 0,05$ thì tỷ lệ viêm nha chu có liên quan với tiếp xúc hóa chất. Có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

4.2.6. Tỷ lệ viêm nha chu theo căng thẳng công việc

Tỷ lệ viêm nha chu ở nhóm công nhân có căng thẳng công việc là 97,48%, cao hơn rõ rệt so với nhóm không căng thẳng là 65,1%. Ngược lại, nhóm không căng thẳng có tỷ lệ không viêm nha chu cao hơn (34,9%) so với nhóm có căng thẳng (2,52%). Với $P < 0,05$ cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm là có ý nghĩa thống kê. Kiểm định được $\chi^2 = 5,1493$; $df = 1$; $\alpha = 0,05$ cho thấy sự căng thẳng công việc có thể là yếu tố nguy cơ góp phần làm tăng tỷ lệ viêm nha chu trong nhóm công nhân.

5. Bàn luận

Nghiên cứu khảo sát tình trạng viêm nha chu tại Công ty TNHH Almus Vina cho thấy một thực trạng đáng quan tâm: tỷ lệ công nhân mắc viêm nha chu ở mức trung bình đến nặng (CPI từ mức 3 trở lên) chiếm tỉ lệ cao, với tổng cộng 42,1% người lao động bị ảnh hưởng rõ rệt. Trong đó, triệu chứng phổ biến như hôi miệng kéo dài (25,7%) và chảy máu nước khi đánh răng (18,0%) thể hiện mức độ viêm nhiễm đã ảnh hưởng đến chất lượng sống hàng ngày của công nhân. Đặc biệt, các yếu tố liên quan đến hành vi chăm sóc răng miệng như tần suất đánh răng, sử dụng chỉ nha khoa, nước súc miệng và thói quen khám răng định kỳ đều có mối liên quan chặt chẽ và có ý nghĩa thống kê với tình trạng viêm nha chu ($p < 0,05$). Nhóm công nhân không đánh răng thường xuyên hay không sử dụng chỉ nha khoa hầu như đều có biểu hiện viêm nha chu, trong đó, nhóm không bao giờ dùng chỉ nha khoa có tỷ lệ mắc lên đến 90,1%. Ngoài ra, yếu tố môi trường làm việc như tiếp xúc hóa chất và căng thẳng nghề nghiệp cũng được xác định là những nguy cơ quan trọng. Công nhân có mức độ căng thẳng cao có tỷ lệ viêm nha chu lên tới 85,4%, chứng tỏ rằng yếu tố tâm lý và điều kiện lao động cần được xem xét như một phần trong chiến lược phòng ngừa bệnh nha chu. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Janapareddy và cộng sự (2020), khi tỷ lệ các vấn đề nha chu ở công nhân sản xuất thép đạt đến 91,6%, nhấn mạnh tính nghiêm trọng của vấn đề sức khỏe răng miệng trong nhóm lao động công nghiệp [7].

6. Kết luận

Trong 245 công nhân tại Công ty TNHH Almus Vina (Phú Thọ) cho thấy: tỷ lệ mắc viêm nha chu rất cao (42,1%), trong đó, có 23,3% ở mức độ trung bình (CPI = 3) và

18,8% ở mức độ nặng (CPI = 4) chỉ có 19,2 % là không bị bệnh. Các yếu tố về chăm sóc răng miệng (số lần đánh răng/ ngày; dùng nước súc miệng, chỉ nha khoa...), đặc biệt

thời gian làm việc có tiếp xúc với hóa chất, môi trường làm việc căng thẳng là những yếu tố liên quan đến bệnh viêm nha chu của công nhân (kiểm định χ^2).

Tài liệu tham khảo

- [1] D. F. Kinane, P. G. Stathopoulou, and P. N. Papapanou, "Periodontal diseases", *Nature Reviews Disease Primers*, vol. 3, No. 1, p. 17038, 2017, Doi: 10.1038/nrdp.2017.38.
- [2] Tổ chức Y tế Thế giới, *Sức khỏe răng miệng và các chiến lược phòng ngừa viêm nha chu tại Việt Nam*, 2018.
- [3] D. Trindade, R. Carvalho, V. Machado, L. Chambrone, J. J. Mendes, and J. Botelho, "Prevalence of periodontitis in dentate people between 2011 and 2020: A systematic review and meta-analysis of epidemiological studies", *J. Clin. Periodontol.*, vol. 50, no. 5, pp. 604-626, 2023, Doi: 10.1111/jcpe.13769.
- [4] A. Dayma, P. Amith, V. R. Singh, and N. Kashyap, "Appraisal of periodontal condition amongst leather manufacturing plant workers in Central India: A prevalence survey", *Int. J. Dent.*, vol. 2019, p. 6037929, Sep. 2019, Doi: 10.1155/2019/6037929.
- [5] A. Singh, R. K. Sinha, S. Richa, R. Kumar, A. Kishor, and A. Kumar, "Assessment of periodontal status and treatment needs among beedi factory workers", *J. Pharm. Bioallied Sci.*, vol. 13, Suppl 1, pp. S237-S240, 2021, Doi: 10.4103/jpbs.JPBS_699_20.
- [6] H. Löe and J. Silness, "Periodontal disease in pregnancy I: Prevalence and severity", *Acta Odontol. Scand.*, vol. 21, No. 6, pp. 533-551, 1963.
- [7] K. Janapareddy, V. Parlapalli, S. Pydi, N. Pottam, P. Chatti, and A. T. P. Pallekonda, "Oral health status and oral health-related quality of life (OHRQoL) among steel factory workers of Visakhapatnam-a cross-sectional study", *J. Family Med. Prim. Care*, vol. 9, No. 12, pp. 5994-5999, 2020.